

NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ RỪNG TAI ĐỎ TÂY BẮC (*GALLUS GALLUS SPADICEUS*) THEO PHƯƠNG THỨC NUÔI NHÓT TẠI THANH HÓA

Lê Thị Ánh Tuyết¹, Đỗ Ngọc Hà², Mai Danh Luân³

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện trên 84 gà Rừng tai đỏ Tây Bắc (*Gallus gallus spadiceus*) (gồm 36 gà trống và 48 gà mái) nuôi nhốt trong nông hộ tại Thanh Hóa từ tháng 5/2016 đến tháng 8/2019 nhằm đánh giá khả năng sản xuất của chúng. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong chăn nuôi gia cầm. Kết quả cho thấy: gà Rừng tai đỏ Tây Bắc thích nghi tốt với điều kiện nuôi nhốt. Nuôi đến 12 tuần tuổi gà rừng đạt tỷ lệ nuôi sống trung bình là 87,67%; khối lượng đạt 452,28 g đối với con trống và 445,40 g đối với con mái. Năng suất trứng trung bình từ 18 đến 23 quả/mái/năm; tỷ lệ đẻ đạt từ 10,29 đến 12,38%; tỷ lệ trứng có phôi đạt từ 82,67 đến 83,42%; tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt từ 80,95 đến 81,73% với thời gian ấp trung bình là 18 ngày. Gà rừng có chất lượng trứng tương đối tốt: khối lượng trứng gà trung bình là 28,69 g/quả; chỉ số hình dạng là 1,36; chỉ số lòng đỏ là 0,33; chỉ số Haugh là 72,40; độ dày của vỏ trứng là 0,31.

Từ khóa: Gà Rừng tai đỏ, phương thức nuôi, khả năng sản xuất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà rừng có tên khoa học là *Gallus gallus* Linnaeus, thuộc nhóm chim họ Trĩ (Phasianidae), bộ Gà (Galliformes). Theo Võ Quý (1975) và Trương Văn Lã (1995), ở Việt Nam, gà Rừng có 3 phân loài: phân loài gà Rừng tai trắng (*Gallus gallus gallus*); Phân loài gà Rừng tai đỏ Đông Bắc (*Gallus gallus jabouillei*) và phân loài gà Rừng tai đỏ Tây Bắc (*Gallus gallus spadiceus*). Gà Rừng là một loài hoang cầm rất phổ biến, sống trong nhiều kiểu rừng khác nhau, sinh cảnh thích hợp nhất là rừng thứ sinh gần nương rẫy, hay rừng gỗ pha tre, nứa. Thịt gà rừng thơm, ngon và bổ dưỡng được thị trường rất ưa chuộng và đem lại giá trị kinh tế cao cho người dân. Dù là động vật hoang dã song gà rừng là nguồn gen quý, có quan hệ gần nhất với các loài gà nhà hiện nay (*Gallus gallus domesticus*) và được xếp vào nhóm động vật được phép gây nuôi vì có thể thuần hóa. Hiện đã có một số hộ gia đình, trang trại đã bắt đầu nuôi gà rừng, nhưng họ chưa có nhiều hiểu biết về đặc điểm sinh học cũng như sinh thái của loài và cách thức nuôi dưỡng chúng.

Ở Việt Nam, đã có một số công trình nghiên cứu về khả năng sản xuất của gà Rừng [3, 4]. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào về khả năng sản xuất của gà Rừng trong điều kiện nuôi nhốt. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá khả năng sản xuất của gà Rừng khi được nuôi trong điều kiện nuôi nhốt để góp phần bảo tồn nguồn gen quý và phát triển loài này thành vật nuôi, tạo hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

^{1,2,3} Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Nghiên cứu 84 gà Rừng tai đỏ Tây Bắc (*Gallus gallus spadiceus*) được nhập từ Vườn Quốc gia Cúc Phương, bao gồm 36 gà trống và 48 gà mái được nuôi tại trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ tháng 5/2016 đến tháng 8/2019. Gà được nhập về trang trại thành 2 đợt, đợt 1 là 49 con (21 trống, 28 mái); đợt 2 là 35 con (15 trống, 20 mái).

2.2. Phương pháp và các chỉ tiêu nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong chăn nuôi gia cầm để theo dõi 84 gà Rừng tai đỏ Tây Bắc 1 ngày tuổi nhập từ Vườn Quốc gia Cúc Phương. Gà được đeo số cánh và nuôi dưỡng trong điều kiện nuôi nhốt. Sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có thành phần dinh dưỡng như sau: protein thô: 18,2%; năng lượng trao đổi: 2760 kcal; Ca: 4,6%; P: 0,7%.

Chuồng nuôi gà Rừng tai đỏ có diện tích 12 m², được thiết kế thành 2 ngăn. Ngăn trong là nhà trú, rộng 5 m², xây theo kiểu nhà cấp 4, nền gạch, mái ngói để gà trú khi mưa nắng, thời tiết xấu. Ngăn ngoài là sân chơi, diện tích 7 m², được bao bằng lưới B40, nền là đất, trên rải cát vàng dày 15 - 20 cm (cát vàng được thay mới hàng năm). Khu vực sân chơi có trồng cây bụi và các cành, có sào bắc ngang ở độ cao phù hợp với tập tính hoạt động của gà Rừng tai đỏ. Có cửa ra vào sân và cạnh cửa treo hộp gỗ chữ nhật (500 x 600 x 800 mm), trong hộp lót rơm rạ, cỏ khô làm ổ đẻ.

Hàng tuần cân khối lượng từng cá thể vào buổi sáng cố định trước khi cho ăn bằng cân điện tử có độ chính xác $\pm 0,05$ g.

Các chỉ tiêu nghiên cứu về sinh trưởng: tỷ lệ nuôi sống (%), khối lượng cơ thể (g/con), sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày), sinh trưởng tương đối (%) được thu thập và tính toán theo hướng dẫn của tác giả Bùi Hữu Đoàn và cộng sự (2011).

Số lượng gà mái được chọn để đưa vào đẻ năm 2017 - 2018 là 24 con và năm 2018 -2019 là 18 con, với tỷ lệ trống mái là 1/6. Các chỉ tiêu về sinh sản: Tỷ lệ đẻ (%), năng suất trứng (quả/mái/năm), các chỉ tiêu chất lượng trứng,... được thu thập và tính toán theo hướng dẫn của tác giả Bùi Hữu Đoàn và cộng sự (2011).

2.3. Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, sử dụng phần mềm SAS phiên bản 9.3.1.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Nghiên cứu 84 gà Rừng tai đỏ Tây Bắc (*Gallus gallus spadiceus*) bao gồm 36 gà trống và 48 gà mái được nuôi tại trang trại chăn nuôi tổng hợp xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ tháng 5/2016 đến tháng 8/2019, chúng tôi đã đưa ra được những kết quả cụ thể về tỷ lệ nuôi sống, khả năng sinh trưởng và sinh sản của Gà rừng tai đỏ Tây Bắc.

3.1. Tỷ lệ nuôi sống

Theo dõi tỷ lệ nuôi sống của 84 gà Rừng thí nghiệm (bảng 1) cho thấy: gà Rừng tai đỏ có tỷ lệ nuôi sống cao và tỷ lệ này tùy thuộc vào giai đoạn tuổi của gà. Ở giai đoạn đầu, do sức đề kháng yếu nên tỷ lệ nuôi sống không cao, đến các giai đoạn sau tỷ lệ nuôi sống của gà rừng thí nghiệm tăng lên rõ rệt và nuôi đến 12 tuần tuổi gà rừng đạt tỷ lệ nuôi sống trung bình là 87,67%. Kết quả này cao hơn so với kết quả nghiên cứu của tác giả Dương Thị Anh Đào (2016) trên gà Rừng tai đỏ ở Cúc Phương nuôi đến 20 tuần tuổi đạt 76,61%.

Bảng 1. Tỷ lệ nuôi sống gà Rừng tai đỏ từ 0 - 12 tuần tuổi

$n = 3$; đvt: %

Giai đoạn (TT)	Giá trị		
	Mean	±	SE
0 - 4	83,67	±	0,77
4 - 8	87,67	±	1,36
8 - 12	95,33	±	0,78
Cả kỳ	87,67	±	0,67

Theo dõi trên một số giống gà bản địa, Nguyễn Hoàng Thịnh và cộng sự (2016) cho thấy: tỷ lệ nuôi sống của gà nhiều ngón ở Vườn Quốc gia Xuân Sơn, Phú Thọ ở tuần tuổi thứ nhất là thấp nhất và tăng dần theo tuần tuổi, từ sau 9 tuần tuổi thì gà hầu như không chết nữa, đến 16 tuần tuổi, tỷ lệ nuôi sống đạt 88,3%. Theo Nguyễn Chí Thành và cộng sự (2009), tỷ lệ nuôi sống đến 8 tuần tuổi ở một số giống gà khác lần lượt là: gà Hồ 90,79%, gà Đông Tảo 92%, gà Mía 76,37%. Theo Đỗ Thị Kim Chi (2011), tỷ lệ nuôi sống ở gà H'mông nuôi đến 8 tuần tuổi đạt 78,76%. Ở gà Ri, tỷ lệ nuôi sống đạt 84,5% [18]. Như vậy, có thể thấy tỷ lệ nuôi sống của gà Rừng tai đỏ nuôi theo phương thức nuôi nhốt tương đương với một số giống gà bản địa như gà Ri, gà nhiều ngón và cao hơn so với gà H'mông và gà Mía.

3.2. Khả năng sinh trưởng

3.2.1. Khối lượng cơ thể

Theo dõi khối lượng cơ thể của 84 gà Rừng tai đỏ (trong đó có 36 gà trống và 48 gà mái) từ 1 đến 12 tuần tuổi (bảng 2) cho thấy: khối lượng cơ thể giữa gà trống và gà mái ở 1 và 3 tuần tuổi có sự sai khác không đáng kể ($P > 0,05$). Cụ thể: ở 1 tuần tuổi gà trống có khối lượng 18,50 g và gà mái có khối lượng 18,41 g; ở 3 tuần tuổi gà trống có khối lượng 76,89 g và gà mái có khối lượng 75,90 g. Nhưng từ 4 tuần tuổi đến 12 tuần tuổi khối lượng cơ thể có sự khác nhau rõ rệt giữa gà trống và gà mái ($P < 0,05$). Đến 8 tuần tuổi, gà trống nặng 249,97 g, cao hơn so với gà mái có khối lượng 246,14 g. Đến 12 tuần tuổi, gà trống nặng 452,28 g, gà mái nặng 445,40 g.

Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Rừng tai đỏ tại Vườn Quốc gia Cúc Phương của Dương Thị Anh Đào (2016) cho thấy: tuổi thành thực của gà rừng tương đối muộn (32 đến 52 tuần tuổi), tại thời điểm thành thực gà trống có khối lượng 1252,00 g/con; gà mái có khối lượng 703,30 g/con. Theo Nguyễn Hoàng Thịnh và cộng sự (2016), khối lượng của gà nhiều ngón từ 1 đến 12 tuần tuổi tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ là 1140,43 g/con. Kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Kim Chi (2011) trên đàn gà H'mông cho thấy: gà H'mông mới nở có khối lượng là 32,74 g/con, đến 12 tuần tuổi khối lượng cơ thể là 1172,65 g/con. Khối lượng cơ thể của gà Ri ở 12 tuần tuổi đối với gà trống là 1140,7 g/con và gà mái là 968,5 g/con [5].

Bảng 2. Khối lượng cơ thể của gà Rừng tai đỏ đến 12 tuần tuổi

Dvt: g/con

Giai đoạn (TT)	Gà trống (n=36)				Gà mái (n=48)			
	Mean	±	SE	CV (%)	Mean	±	SE	CV (%)
Int	18,50	±	0,22	7,33	18,41	±	0,19	7,08
1	33,49	±	0,48	8,77	32,27	±	0,36	7,70
2	54,55 ^a	±	0,61	7,70	52,84 ^b	±	0,31	5,10
3	76,89	±	0,73	5,71	75,90	±	0,73	6,67
4	102,25 ^a	±	0,23	7,35	100,93 ^b	±	0,40	6,72
5	133,20 ^a	±	0,28	7,24	131,83 ^b	±	0,50	7,65
6	165,35 ^a	±	0,49	6,78	163,69 ^b	±	0,57	7,43
7	204,49 ^a	±	2,19	6,44	201,81 ^b	±	0,65	6,24
8	249,97 ^a	±	1,41	7,39	246,14 ^b	±	1,24	8,51
9	297,33 ^a	±	0,94	8,90	291,83 ^b	±	2,91	9,30
10	355,14 ^a	±	2,34	8,96	345,07 ^b	±	1,67	8,46
11	402,31 ^a	±	1,17	7,75	398,45 ^b	±	2,67	8,78
12	452,28 ^a	±	2,06	8,72	445,40 ^b	±	3,21	9,55

Các giá trị trung bình trong cùng một hàng mang chữ cái khác nhau thì sai khác giữa gà trống và gà mái có ý nghĩa thống kê giữa ($P < 0,05$)

Như vậy, theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, gà Rừng tai đỏ ở 12 tuần tuổi có khối lượng cơ thể thấp hơn so với các giống gà Ri và H'ông và gà nhiều ngón.

3.2.2. Sinh trưởng tuyệt đối và sinh trưởng tương đối

Bảng 3 cho thấy: sinh trưởng tuyệt đối của gà trống cao hơn so với gà mái và đạt cao nhất ở giai đoạn 9 - 10 tuần tuổi, sau đó giảm dần đến 12 tuần tuổi. Trong khi gà mái có tốc độ sinh trưởng chậm hơn, cao nhất ở giai đoạn 10 - 11 tuần tuổi và giảm dần đến 12 tuần tuổi.

Bảng 3. Sinh trưởng tuyệt đối của gà thí nghiệm

(Đvt: g/con/ngày)

Giai đoạn (TT)	Gà trống (n=36)			Gà mái (n=48)		
	Mean	±	SE	Mean	±	SE
0 - 1	2,14	±	0,07	1,98	±	0,05
1 - 2	3,00	±	0,11	2,93	±	0,06
2 - 3	3,19	±	0,12	3,29	±	0,10
3 - 4	3,62	±	0,10	3,57	±	0,11
4 - 5	4,42	±	0,05	4,41	±	0,09
5 - 6	4,59	±	0,07	4,55	±	1,10
6 - 7	5,59	±	0,30	5,44	±	0,12
7 - 8	6,49	±	0,35	6,33	±	0,22
8 - 9	6,76	±	0,27	6,52	±	0,59
9 - 10	8,25	±	0,34	7,60	±	0,64
10 - 11	6,73	±	0,37	7,62	±	0,31
11 - 12	6,13	±	0,69	6,70	±	0,70

So sánh với kết quả nghiên cứu tốc độ sinh trưởng tuyệt đối trên đàn gà H'ông ở 1 tuần tuổi của Nguyễn Việt Thái (2012) cho thấy: tốc độ sinh trưởng tuyệt đối ở gà 01

tuần tuổi là 3,54 g/con/ngày và tăng dần đến 9 tuần tuổi (19,34 g/con/ngày), sau đó giảm dần đến 12 tuần tuổi (15,79 g/con/ngày). Tính trung bình cả giai đoạn từ 1 - 12 tuần tuổi, gà H'mông có tốc độ sinh trưởng tuyệt đối là 13,25 g/con/ngày. Như vậy, tốc độ sinh trưởng tuyệt đối của gà Rừng tai đỏ thấp hơn so với giống gà nội của Việt Nam.

Sinh trưởng tương đối của gà Rừng tai đỏ cao nhất ở giai đoạn 1 tuần tuổi, sau đó giảm dần đến 12 tuần tuổi (bảng 4). Theo Nguyễn Việt Thái (2012), tốc độ sinh trưởng tương đối của gà H'mông lúc 1 tuần tuổi là 57,81% sau đó giảm dần đến 12 tuần tuổi còn 10,17%. Như vậy, tốc độ sinh trưởng tương đối của gà Rừng tai đỏ phù hợp với quy luật sinh trưởng chung của gia cầm.

Bảng 4. Sinh trưởng tương đối của gà thí nghiệm

Đvt: %

Giai đoạn (TT)	Gà trống (n = 36)			Gà mái (n = 48)		
	Mean	±	SE	Mean	±	SE
0 - 1	57,39	±	1,69	54,50	±	1,35
1 - 2	47,84	±	1,75	48,44	±	1,21
2 - 3	34,00	±	1,27	35,62	±	1,05
3 - 4	28,43	±	0,94	28,47	±	1,00
4 - 5	26,28	±	0,31	26,54	±	0,53
5 - 6	21,53	±	0,33	21,56	±	0,49
6 - 7	20,98	±	0,90	20,85	±	0,48
7 - 8	20,12	±	1,04	19,74	±	0,70
8 - 9	17,33	±	0,70	16,49	±	1,71
9 - 10	17,65	±	0,67	17,09	±	1,71
10 - 11	12,51	±	0,71	14,33	±	0,60
11 - 12	11,47	±	1,06	10,97	±	1,09

3.3. Khả năng sinh sản

Theo dõi khả năng sinh sản gà Rừng tai đỏ liên tục trong 2 năm (bảng 5) cho thấy: năng suất trứng của gà Rừng tai đỏ lần lượt là 23 và 18 quả/mái/năm; tỷ lệ đẻ trung bình đạt 12,38 và 10,29%; tỷ lệ trứng có phôi đạt 83,42 và 82,67%; tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt 81,73 và 80,95% với thời gian ấp trung bình là 18 ngày.

Bảng 5. Năng suất trứng, tỷ lệ đẻ và kết quả ấp nở

Năm	n	NST (quả/mái/năm)	Tỷ lệ đẻ (%)	Kết quả ấp nở			
				Số trứng đưa vào ấp (quả)	Tỷ lệ trứng có phôi (%)	Tỷ lệ trứng nở/trứng có phôi (%)	Thời gian ấp (ngày)
2017 - 2018	24	23	12,38	374	83,42	81,73	18
2018 - 2019	18	18	10,29	254	82,67	80,95	18

Kết quả nghiên cứu của Dương Thị Anh Đào (2016) trên gà Rừng nuôi tại Vườn Quốc gia Cúc Phương cho thấy: năng suất trứng của gà rừng đạt trung bình 15,30

quả/mái/năm với tỷ lệ đẻ là 7,29%; tỷ lệ phôi là 86,35%. Kết quả nghiên cứu khả năng sinh sản của một số giống gà nội Việt Nam cho thấy tỷ lệ đẻ của đàn gà H'mông nuôi bán công nghiệp là 21,48%; năng suất trứng đạt 39,11 quả/mái/26 tuần đẻ; tỷ lệ trứng có phôi là 97,51%; tỷ lệ nở/trứng có phôi là 79,57% [2]. Năng suất trứng của gà Ấc Việt Nam là 90,4 - 105,6 quả/mái/năm [17]; gà Đông Tảo là 55 - 65 quả/mái/năm; gà Mía là 55 - 60 quả/mái/năm [11]. Theo Hoàng Thanh Hải (2012), chim Trĩ đỏ khoang cổ có tỷ lệ đẻ ở đàn quần thể là 40,82%; đàn cá thể là 45,24%. Năng suất trứng đạt trung bình 95,55 quả/mái/năm ở năm đẻ thứ nhất và 70,20 quả/mái/năm ở năm đẻ thứ 2. Chim Trĩ đầu đỏ nuôi theo phương thức nuôi nhốt trong nông hộ tại Thanh Hóa có tỷ lệ trứng có phôi đạt 92,87%; tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt 81,95% [10].

Như vậy, năng suất trứng, tỷ lệ đẻ cũng như các kết quả ấp nở của gà Rừng tai đỏ nuôi nhốt có năng suất trứng thấp hơn nhiều so với chim Trĩ đỏ khoang cổ và các giống gà nội của Việt Nam nhưng cao hơn so với gà Rừng tai đỏ nuôi tại Vườn quốc gia Cúc Phương.

Kết quả khảo sát một số chỉ tiêu chất lượng trứng ở bảng 6 cũng cho thấy: Khối lượng trứng của gà Rừng tai đỏ nuôi nhốt tại trang trại chăn nuôi tổng hợp xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 28,69 g/quả tương đương với trứng gà Rừng tai đỏ nuôi tại Vườn Quốc gia Cúc Phương của Dương Thị Anh Đào (2016) nghiên cứu (27,70 g/quả), nhưng thấp hơn so với khối lượng trứng của chim Trĩ đỏ khoang cổ do Hoàng Thanh Hải (2012) nghiên cứu (30,2 g/quả). Kết quả bảng 6 cũng cho thấy: chỉ số hình dạng là 1,36; chỉ số lòng đỏ là 0,33; chỉ số Haugh là 72,40; độ dày của vỏ trứng là 0,31... Các chỉ tiêu này chứng tỏ chất lượng trứng của gà Rừng tai đỏ nuôi nhốt tại trang trại chăn nuôi tổng hợp xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tương đối tốt.

Bảng 6. Một số chỉ tiêu chất lượng trứng

Chỉ tiêu	Giá trị					
	n	Mean	SE	CV (%)	Min	Max
Khối lượng (g)	15	28,69	0,41	9,47	21,00	34,00
Khối lượng lòng đỏ (g)	15	8,29	0,07	2,56	8,02	8,55
Tỷ lệ lòng đỏ (%)	15	28,90	1,65	6,79	25,78	32,75
Khối lượng lòng trắng (g)	15	16,51	0,18	3,51	15,38	17,08
Tỷ lệ lòng trắng (%)	15	57,55	2,17	7,83	52,12	61,05
Khối lượng vỏ (g)	15	2,72	0,04	4,79	2,54	2,89
Tỷ lệ vỏ (%)	15	9,48	1,28	6,58	7,03	12,34
Đường kính lớn (mm)	15	85,92	0,66	2,45	82,40	87,80
Đường kính nhỏ (mm)	15	67,95	1,52	7,08	61,80	74,10
Chỉ số hình dạng	15	1,36	0,03	5,78	1,19	1,36
Tỷ lệ giữa lòng trắng và lòng đỏ	15	1,99	0,03	4,78	1,80	2,12
Chỉ số lòng đỏ	15	0,33	0,001	3,89	0,31	0,35
Chỉ số lòng trắng đặc	15	0,08	0,001	5,81	0,06	0,10
Chỉ số Haugh	15	72,40	2,15	7,35	63,35	81,24
Độ dày vỏ trứng (mm)	15	0,31	0,002	1,95	0,28	0,32
Dài (mm)	15	46,06	0,43	6,48	41,31	53,50
Rộng (mm)	15	33,42	0,18	3,46	30,53	36,12

Kết quả nghiên cứu về gà Rừng tai đỏ nuôi tại Vườn Quốc gia Cúc Phương có chỉ số hình thái là 1,3; khối lượng lòng đỏ là 11,9 g chiếm 54,09%; khối lượng lòng trắng là 6,8 g chiếm 30,91%; chỉ số Haugh là 63,40 [4]. So sánh với một số giống gà nội khác cho thấy: tỷ lệ khối lượng lòng đỏ của gà H'mông là 33,31% [2]; gà Đông Tảo là 35,17%; gà Ri là 34,47% [8]; chim Trĩ đỏ khoang cổ là 37,9% [7]. Chỉ số Haugh của gà H'mông là 86,7 [15]; gà Hồ là 75,05; gà Mía là 82,98, và gà Móng là 78,68 [17]; chim Trĩ đỏ khoang cổ là 88,83 [7]. Như vậy, có thể thấy một số chỉ tiêu chất lượng trứng của gà Rừng tai đỏ nuôi nhốt tại Thanh Hóa tương đương với kết quả nghiên cứu về gà Rừng tai đỏ ở Vườn quốc gia Cúc Phương nhưng thấp hơn so với một số giống gà nội của Việt Nam.

4. KẾT LUẬN

Gà Rừng tai đỏ có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt trong điều kiện nuôi nhốt ở nông hộ: đến 12 tuần tuổi gà rừng đạt tỷ lệ nuôi sống trung bình là 87,67%; khối lượng đạt 452,28 g đối với con trống và 445,40 g đối với con mái. Sinh trưởng tuyệt đối của gà trống cao hơn so với gà mái, đạt cao nhất ở giai đoạn 9 - 10 tuần tuổi; gà mái có tốc độ sinh trưởng chậm hơn, đạt cao nhất ở giai đoạn 10 - 11 tuần tuổi và giảm dần đến 12 tuần tuổi.

Về khả năng sinh sản: gà Rừng tai đỏ có năng suất trứng trung bình từ 18 đến 23 quả/mái/năm; tỷ lệ đẻ đạt từ 10,29 đến 12,38%; tỷ lệ trứng có phôi đạt từ 82,67 đến 83,42%; tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt từ 80,95 đến 81,73% với thời gian ấp trung bình là 18 ngày. Chất lượng trứng của gà rừng tương đối tốt: khối lượng trứng trung bình 28,69 g/quả; chỉ số hình dạng là 1,36; chỉ số lòng đỏ là 0,33; chỉ số Haugh là 72,40; độ dày của vỏ trứng là 0,31.

Gà Rừng tai đỏ thích nghi tốt với điều kiện nuôi nhốt tại Thanh Hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Thị Kim Chi (2011), *Đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của giống gà H'mông nuôi tại huyện Quảng Ba - Hà Giang*, Luận văn Thạc sỹ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- [2] Dương Thị Anh Đào, Vũ Thị Đức, Phạm Văn Nhã (2011), Nghiên cứu một số đặc điểm sinh trưởng, sinh sản của gà H'Mông nuôi bán công nghiệp và chăn thả tại Thuận Châu - Sơn La, *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi*, số 12, trang 14-21.
- [3] Dương Thị Anh Đào, Nguyễn Thị Thanh (2015), Đặc điểm sinh học và khả năng sinh trưởng của gà Rừng tai đỏ (*Gallus gallus spadiceus*) nuôi tại Cúc Phương, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 4, trang 99-105.
- [4] Dương Thị Anh Đào (2016), Khả năng sinh sản của gà Rừng tai đỏ (*Gallus gallus spadiceus*) nuôi tại vườn quốc gia Cúc Phương, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, tập 32, số 2, trang 85-91.

- [5] Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Thành Đông (2005), *Nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất giống gà Ri vàng rom*, Tóm tắt báo cáo khoa học năm 2004, Viện Chăn nuôi.
- [6] Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Huy Đạt (2011), *Các chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu chăn nuôi gia cầm*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [7] Hoàng Thanh Hải (2012), *Một số đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của chim Trĩ đỏ khoang cổ (Phasianus colchicus) trong điều kiện nuôi nhốt*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Nông nghiệp, Viện Chăn nuôi.
- [8] Phạm Thị Hòa (2004), *Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, khả năng sinh sản và quỹ gen giống gà Đông Tảo*, Luận án Tiến sĩ khoa học Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [9] Trương Văn Lã (1995), *Góp phần nghiên cứu Nhóm chim Trĩ và đặc điểm sinh học, sinh thái của Gà rừng tai trắng (Gallus gallus Linnaeus), Trĩ bạc (Lophura nycthemera Linnaeus), Công (Pavo muticusimperator Delacour) ở Việt Nam và biện pháp bảo vệ chúng*, Luận án Phó Tiến Sĩ Khoa học Sinh học.
- [10] Mai Danh Luân (2017), *Khả năng sinh sản của chim Trĩ đầu đỏ nuôi nhốt trong nông hộ tại Thanh Hóa*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, số 34, trang 86-91.
- [11] Bùi Đức Lũng, Trần Long (1996), *Nuôi giữ quỹ gen hai giống gà nội: Đông Tảo và gà Mía*, Kết quả nghiên cứu bảo tồn quỹ gen vật nuôi ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [12] Võ Quý (1975), *Chim Việt Nam - Hình thái và phân loại*, tập 1, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Viết Thái (2012), *Nghiên cứu xác định tổ hợp lai có hiệu quả kinh tế giữa gà H'mông và gà Ai Cập để sản xuất gà xương, da, thịt đen*, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Viện Chăn nuôi.
- [14] Nguyễn Chí Thành, Lê Thị Thúy, Đặng Vũ Bình, Trần Thị Kim Anh (2009), *Đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của 3 giống gà địa phương: gà Hồ, gà Đông Tảo và gà Mía*, *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi*, số 4, trang 2-10.
- [15] Phạm Công Thiệu, Vũ Ngọc Sơn, Hoàng Văn Tiệu, Nguyễn Viết Thái, Trần Kim Nhân (2010), *Chọn lọc nâng cao năng suất chất lượng gà H'mông*, Báo cáo khoa học năm 2010, Viện chăn nuôi, trang 266-278.
- [16] Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng, Vũ Thị Thuý Hằng, Hoàng Anh Tuấn, Bùi Hữu Đoàn (2016), *Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng Quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ*, *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, tập 14, số 1, trang 9-20.
- [17] Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Huy Đạt, Vũ Chí Thiện và Nguyễn Thị Thu Hiền (2010), *Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, sinh sản của 3 giống gà Hồ, Mía và Móng sau khi chọn lọc qua 1 thế hệ*, Báo cáo khoa học - Viện Chăn nuôi, phần Di truyền giống vật nuôi, trang 225-234.

- [18] Moula, M., Luc, D. D., Dang, P. K., Farnir, F., Ton, V. D., Binh, D. V., Leroy, P., Antoine-Moussiaux, N. (2011), The Ri chicken breed and livelihoods in North Viet Nam: characterisation and prospects, *Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics*, 112(1): 57-69.

PRODUCTIVITY OF RED EAR JUNGLE (*GALLUS GALLUS SPADICEUS*) RAISED IN CONFINED HOUSEHOLD CONDITION IN THANH HOA PROVINCE

Le Thi Anh Tuyet, Do Ngoc Ha, Mai Danh Luan

ABSTRACT

*The study was carried out on 84 red ear jungles (*Gallus gallus spadiceus*) (including 36 males and 48 females) kept in confined household condition in Thanh Hoa province from May 2016 to August 2019 to assess their production ability. Results showed that red ear jungles adapted well to captivity. At 12 weeks of age, chickens achieved survival rate was 87.67%; body weight was 452.28 g for males and 445.40 g for females. Egg productivity was from 18 to 23 eggs/hen/year; average laying rate from 10.29 to 12.38%; the percentage of embryos egg from 82.67 to 83.42%; hatching rate/embryo egg from was 80.95 to 81.73% with an average time of incubation was 18 days. The egg quality was high: egg weight was 28.69 g/egg; shape index was 1.36; the yolk index was 0.33; Haugh index was 72.40; the thickness of the eggshell was 0.31.*

Keyword: *Gallus gallus spadiceus*, rearing method, production ability.

* Ngày nộp bài: 23/12/2019; Ngày gửi phản biện: 27/3/2020; Ngày duyệt đăng: 25/6/2020